

Số: 756/2014/BC.KTTC-AASC.KTI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực báo cáo tài chính này phù hợp với các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính. Trách nhiệm này bao gồm việc thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ cần thiết nhằm đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không còn các sai sót trọng yếu gây ra do gian lận hay sai sót.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm các thủ tục nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trên báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm những đánh giá về rủi ro của những sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính là do gian lận hay sai sót. Trong quá trình đánh giá về rủi ro này, kiểm toán viên phải xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý của Công ty nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp với từng tình huống cụ thể, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán áp dụng, đánh giá các ước tính kế toán trọng yếu cũng như đánh giá tổng thể việc trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo này lập trong khuôn khổ cuộc kiểm toán báo cáo tài chính của Dự án Quỹ Đầu tư phát triển địa phương, chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Ngân hàng Thế giới, Bộ Tài chính và các bên có liên quan khác.



Nguyễn Quốc Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0285-2013-002-1

CÔNG TY TNHH HÀNG KIỂM TOÁN AASC

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Phạm Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0777-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
100 A. Tài sản ngắn hạn		1.816.011.447.628	1.592.792.500.636
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.708.204.514.430	1.555.616.791.305
111 1. Tiền		405.664.066.114	388.704.130.106
112 2. Các khoản tương đương tiền		1.302.540.448.316	1.166.912.661.199
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		106.813.255.826	36.399.996.613
132 2. Trả trước cho người bán		687.842.440	747.316.650
134 4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ của Công ty	4	77.973.558.676	15.837.529.087
138 6. Các khoản phải thu khác	5	28.151.854.710	19.815.150.876
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		993.677.372	775.712.718
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		538.725.412	384.028.852
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		165.561.727	-
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	10.712.654
158 4. Tài sản ngắn hạn khác	6	289.390.233	380.971.212
200 B. Tài sản dài hạn		8.164.303.616.565	6.448.967.290.110
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		3.919.129.174.489	4.201.223.847.134
215 5. Phải thu cho vay đầu tư bằng vốn hoạt động	7	4.052.882.119.818	4.408.872.058.097
218 8. Dự phòng rủi ro cho vay	8	(133.752.945.329)	(207.648.210.963)
220 II. Tài sản cố định		112.919.014.976	119.118.236.988
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	51.445.127.115	57.965.240.338
222 - Nguyên giá		68.929.582.158	69.366.627.356
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(17.484.455.043)	(11.401.387.018)
227 3. Tài sản cố định vô hình	10	61.473.887.861	60.986.749.632
228 - Nguyên giá		62.014.828.600	61.317.778.600
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(540.940.739)	(331.028.968)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	166.247.018
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	4.128.024.334.307	2.126.322.650.847
251 1. Đầu tư vào công ty con		2.074.525.500.000	-
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		1.185.472.916.721	1.154.422.916.721
258 3. Đầu tư dài hạn khác		961.742.097.286	978.347.707.766
259 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(93.716.179.700)	(6.447.973.640)
260 V. Tài sản dài hạn khác		4.231.092.793	2.302.555.141
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	392.559.708	2.302.555.141
263 3. Đầu tư xây dựng dự án công trình	13	3.838.533.085	-
270 Tổng cộng tài sản		9.980.315.064.193	8.041.759.790.746

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 (Đã điều chỉnh) VND
300	A. Nợ phải trả		3.976.269.509.556	4.370.668.387.666
310	I. Nợ ngắn hạn		172.076.263.544	177.224.812.571
312	1. Phải trả người bán		514.083.737	5.761.690.812
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	24.752.497.120	38.981.670.579
315	4. Phải trả người lao động		18.533.198.357	19.495.333.897
318	7. Phải trả lãi vốn huy động	15	25.452.484.220	14.896.432.154
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	100.748.703.580	93.692.802.098
323	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.075.296.530	4.396.883.031
330	II. Nợ dài hạn		3.804.193.246.012	4.193.443.575.095
333	3. Phải trả dài hạn khác	17	1.237.988.116	1.237.988.116
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	3.432.002.430.777	3.688.883.591.792
341	9. Vốn nhận ủy thác cho vay đầu tư	19	370.952.827.119	503.321.995.187
342	- Vốn ủy thác cho vay đầu tư phải trả		2.434.413.954.249	2.532.419.224.261
343	- Phải thu về cho vay từ vốn nhận ủy thác		(2.063.461.127.130)	(2.029.097.229.074)
344	10. Hợp vốn đầu tư cho vay		-	-
345	- Số tiền nhận hợp vốn đầu tư cho vay phải trả		130.945.289.856	213.563.110.859
346	- Số tiền phải thu về cho vay từ tiền nhận hợp vốn		(130.945.289.856)	(213.563.110.859)
400	B. Vốn chủ sở hữu		6.004.045.554.637	3.671.091.403.080
411	1. Vốn Ngân sách Nhà nước cấp		5.048.571.620.588	2.974.046.120.588
417	6. Quỹ đầu tư phát triển		182.472.130.727	64.220.299.707
418	7. Quỹ dự phòng tài chính		-	118.355.231.020
420	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		773.001.803.322	514.469.751.765
440	Tổng cộng nguồn vốn		9.980.315.064.193	8.041.759.790.746

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013 (Đã điều chỉnh)
7. Ngoại tệ các loại				
- Đô la Mỹ	USD		1.804.214,80	6.394.259,00
- Đồng Euro	EUR		78,28	73,87
- Đồng Đô la Úc	AUD		69,98	45,48
8. Tài sản nhận thế chấp	VND		6.434.485.466.619	3.551.495.648.625
9. Lãi chưa thu cho vay vốn nhận ủy thác	VND		175.429.458.003	86.572.893.329
12. Vốn tiếp nhận đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước	VND		-	2.074.525.500.000



Tổng Giám đốc

Diệp Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

Lê Văn Bắc

Người lập biểu

Lê Thăng Càn



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu		685.760.623.416	899.717.347.857
01.2	- Doanh thu lãi tiền cho vay		328.483.729.436	360.410.888.189
01.3	- Thu từ hoạt động đầu tư góp vốn		227.451.677.721	388.237.272.898
01.4	- Doanh thu lãi tiền gửi		106.969.881.575	123.363.580.314
01.5	- Thu phí hoạt động nhận ủy thác		15.456.761.424	19.825.434.725
01.6	- Thu phí ủy quyền phát hành trái phiếu địa phương		600.000.000	662.000.000
01.7	- Doanh thu cho thuê tài sản		5.850.935.909	5.143.799.395
01.8	- Doanh thu khác		947.637.351	2.074.372.336
10	3. Doanh thu thuần		685.760.623.416	899.717.347.857
11	4. Chi phí hoạt động		144.514.242.386	198.712.917.590
11.2	- Chi phí lãi tiền vay		129.995.033.034	121.938.966.517
11.3	- Chi phí hoạt động đầu tư góp vốn		87.323.983.766	(81.083.999.719)
11.5	- Chi phí dự phòng rủi ro cho vay (i)		(73.895.265.634)	156.534.253.059
11.7	- Chi phí khác		1.090.491.220	1.323.697.733
20	5. Lợi nhuận gộp		541.246.381.030	701.004.430.267
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	70.045.362.078	73.479.712.934
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		471.201.018.952	627.524.717.333
31	8. Thu nhập khác		1.237.285.278	1.168.679.309
32	9. Chi phí khác		1.051.544.455	1.014.768.838
40	10. Lợi nhuận khác		185.740.823	153.910.471
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		471.386.759.775	627.678.627.804
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	64.854.708.218	113.208.876.039
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		406.532.051.557	514.469.751.765

(i): Đây là số tiền hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng trong năm của Công ty.



Tổng Giám đốc

Diệp Dũng

Kế toán trưởng

Lê Văn Bắc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Lê Thắng Cần

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 (Đã điều chỉnh) VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng các khoản đầu tư trực tiếp, cho thuê tài sản		6.436.029.500	5.143.799.395
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(28.377.797.120)	(23.817.034.118)
03	3. Tiền thu các khoản phí		16.056.761.424	19.825.434.725
04	4. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi		378.786.670.671	484.407.242.283
05	5. Tiền chi trả lãi tiền vay		(123.891.127.129)	(118.063.730.614)
06	6. Chênh lệch tiền chi và thu cho vay		124.385.545.539	(86.244.618.942)
07	7. Tiền thu nhận vốn ủy thác cho vay đầu tư		418.377.030.431	1.339.006.535.535
08	8. Tiền chi cho vay từ vốn nhận ủy thác cho vay đầu tư		(86.981.742.925)	(1.248.187.876.760)
14	14. Tiền chi trả cho người lao động		(32.310.176.470)	(29.992.108.617)
15	15. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(78.076.062.039)	(89.514.608.251)
16	16. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (*)		541.305.011.028	183.915.134.561
17	17. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (**)		(871.454.093.764)	(189.606.491.708)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		264.256.049.146	246.871.677.489
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.794.023.180)	(15.045.038.107)
22	2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		30.845.455	61.772.727
23	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(84.653.080.000)	(302.605.475.059)
24	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		55.208.690.480	281.266.674.205
26	6. Tiền thu đầu tư khác		191.287.583.321	187.157.997.898
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		160.080.016.076	150.835.931.664
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	735.088.000.000
34	4. Tiền trả nợ vay		(272.215.433.964)	(228.693.192.556)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(272.215.433.964)	506.394.807.444
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		152.120.631.258	904.102.416.597
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.555.616.791.305	645.433.240.465
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		467.091.867	6.081.134.243
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	1.708.204.514.430	1.555.616.791.305

(*): Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh bao gồm 413.481.486.169 VND tiền thu cho vay ủy thác từ khách hàng.

(**): Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh bao gồm 148.379.054.621 VND tiền nộp các loại thuế, phí và 95.071.137.300 VND tiền chi trả nguồn vốn ủy thác cho các đơn vị ủy thác.



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Diệp Dũng

Lê Văn Bắc

Lê Thắng Cần

CÁC THÔNG TIN V QU N TR TRONG N M 2013

Các quy t nh, ngh quy t l n c a H i ng thành viên trong n m 2013:

S Q /NQ	Ngày	N i dung
76/NQ-H TV	13/3/2013	V vi c góp v n i u l Công ty C ph n u t y t Sài Gòn .
78/NQ-H TV	11/4/2013	V vi c th ng nh t ch tr ng h p tác th c hi n nghiên c u xu t d án “Nhà máy x lý n c th i Tân Hóa – Lò G m”.
82/NQ-H TV	5/6/2013	V k ho ch tài chính n m 2013 c a Công ty u t Tài chính nhà n c Thành ph H Chí Minh và các doanh nghi p thành viên.
86/NQ-H TV	9/12/2013	V vi c góp thêm v n vào Công ty C ph n C ng Tân C ng Hi p Ph c .
89/NQ-H TV	25/12/2013	V vi c i u ch nh k ho ch tài chính n m 2013 c a Công ty u t Tài chính nhà n c Thành ph H Chí Minh và các doanh nghi p thành viên.

CÁC THÔNG TIN VỀ LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG NĂM 2013

1	Tổng tiền lương người lao động/năm	30.000 triệu đồng
-	Số người lao động	118 người
-	Tiền lương bình quân tháng	21 triệu đồng
2	Tổng tiền lương viên chức quản lý/năm	4.821 triệu đồng
-	Số người VCQL	12 người
-	Tiền lương bình quân tháng	33 triệu đồng